

Số: /TTr-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh giảm dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2020 theo
Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Ngày 09 tháng 4 năm 2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 42/NQ-CP về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 42/NQ-CP). Trong đó: tại điểm 4, Mục I của Nghị quyết, Chính phủ chỉ đạo: “*Ưu tiên dành nguồn lực từ Ngân sách nhà nước để thực hiện các chính sách tại Nghị quyết này*”; đồng thời, Chính phủ chỉ đạo Ngân sách địa phương phải đảm bảo 50% mức thực chi để thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

Tiếp đó, ngày 29 tháng 5 năm 2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 84/NQ-CP về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 84/NQ-CP). Trong đó: Chính phủ chỉ đạo “*Cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (trừ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Y tế, kinh phí thực hiện năm chủ tịch ASEAN 2020 và các hoạt động ngoại giao quốc gia khác của Bộ Ngoại giao) và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại của năm 2020, đặc biệt là các khoản chi mua sắm chưa thực sự cần thiết*”.

Với chủ trương nêu trên của Chính phủ, căn cứ theo Khoản 5 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định: “*Hội đồng nhân dân các cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết*” và trên cơ sở rà soát dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị việc điều chỉnh giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 đã giao cho các đơn vị dự toán khối tỉnh theo Nghị quyết số 84/NQ-CP của Chính phủ, với tổng dự toán kinh phí đề nghị điều chỉnh giảm là **49.590,42 triệu đồng**; đồng thời điều chỉnh tăng tương ứng các nguồn kinh phí chờ phân bổ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2020.

Việc soát xét, cắt giảm dự toán được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Giảm toàn bộ dự toán kinh phí còn lại đối với các nhiệm vụ đã thực hiện xong nhưng kinh phí chưa sử dụng hết;
- Giảm toàn bộ kinh phí đối với các nhiệm vụ đơn vị không triển khai thực hiện được trong năm 2020 hoặc các khoản chi mua sắm chưa thực sự cần thiết;

- Cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại của các đơn vị dự toán khối tỉnh;

- Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại (kinh phí giao không thực hiện tự chủ) của năm 2020.

(Chi tiết các tiêu mục điều chỉnh giảm dự toán như Phụ lục kèm theo).

Nguồn kinh phí tiết kiệm, cắt giảm này sẽ được sử dụng để thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 42/NQ-CP.

Trường hợp đến cuối năm 2020 nguồn thu Ngân sách địa phương đảm bảo, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến thỏa thuận để sử dụng nguồn kinh phí này để thực hiện các nhiệm vụ cần thiết, cấp bách của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT&NS - HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Cao Thắng

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020 CÁC ĐƠN VỊ KHỐI TỈNH
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 84/NQ-CP NGÀY 29/5/2020 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày / /2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

TT	Tên đơn vị	Điều chỉnh giảm Dự toán năm 2020	Chia ra												
			Chi SN kinh tế	Chi SN môi trường	Chi SN GD và đào tạo	Chi SN KHCN	Chi SN VHTT	Chi SN PTTH	Chi SN TDTT	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Chi SN ĐBXH	Chi hành chính	Chi An ninh	Chi Quốc phòng	Chi khác
	TỔNG CỘNG	49.590,42	6.116,80	464,86	9.650,00	2.307,00	2.440,00	100,00	358,00	5.498,31	1.467,50	19.043,95	128,00	1.876,00	140,00
1	Văn phòng Tỉnh ủy	3.069,50			83,00		0,00					2.986,50			
2	Đoàn Đại biểu Quốc hội	83,00										83,00			
3	Văn phòng HĐND tỉnh	1.325,00										1.325,00			
4	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	690,00					51,00					639,00			
5	Sở Du lịch	1.127,00	1.049,00									78,00			
6	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	1.337,00			200,00							1.137,00			
7	Công an tỉnh	128,00											128,00		
8	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	1.650,00												1.650,00	
9	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng	226,00												226,00	
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.292,00	1.564,00		138,00							1.590,00			
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	712,00	604,00									108,00			
12	Sở Tư pháp	599,00	309,00		50,00							240,00			
13	Sở Công thương	1.662,60	1.198,80		161,00		44,00					258,80			
14	Sở Khoa học và Công nghệ	1.653,00				1.653,00						0,00			
15	Sở Tài chính	525,00			130,00							395,00			
16	Sở Xây dựng	648,00	0,00		40,00							608,00			
17	Sở Giao thông- Vận tải	684,00	325,00		165,00							194,00			
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	6.844,00			6.824,00							20,00			
19	Sở Y tế	5.752,31			200,00					5.498,31		54,00			
20	Sở Lao động- Thương binh và Xã hội	1.814,50			45,00						1.467,50	302,00			
21	Sở Văn hóa và Thể thao	1.652,00			10,00		877,00		358,00			407,00			
22	Sở Tài nguyên và Môi trường	807,00	279,00	211,00	39,00							278,00			
23	Sở Thông tin và Truyền thông	823,00			256,00		431,00					136,00			
24	Sở Nội vụ	4.592,00	60,00		818,00							3.714,00			
25	Sở Ngoại vụ	239,00			53,00							186,00			
26	Thanh tra tỉnh	242,00			25,00							217,00			
27	Ban Dân tộc	762,21										762,21			
28	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	872,86	362,00	220,86	70,00							220,00			
29	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	536,00			78,00							458,00			

30	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh	2.141,00			111,00		1.037,00					993,00			
31	Hội Nông dân tỉnh	573,00			109,00							464,00			
32	Hội Cựu chiến binh tỉnh	144,00			10,00							134,00			
33	Trường Chính trị	35,00			35,00										
34	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	33,00	33,00												
35	Đài Phát thanh và Truyền hình	100,00						100,00							
36	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu	33,00		33,00											
37	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội	30,00				30,00									
38	Ban An toàn giao thông	333,00	333,00												
39	Liên minh các Hợp tác xã	234,20										234,20			
40	LH các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	140,30				21,00						119,30			
41	Hội Văn học nghệ thuật	220,00										220,00			
42	Hội Nhà báo	93,00										93,00			
43	Hội Chữ thập đỏ	14,00										14,00			
44	Hội Luật gia	26,10										26,10			
45	Hội Người mù	30,60										30,60			
46	Hội Đông y	18,50										18,50			
47	Hội nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	48,01										48,01			
48	Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bình Định	48,20										48,20			
49	Hội Khuyến học	107,00										107,00			
50	Hội Người cao tuổi	70,63										70,63			
51	Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo	26,90										26,90			
52	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	603,00				603,00									
53	Chi khác ngân sách	140,00													140,00
	- Hỗ trợ Cục Thống kê	60,00													60,00
	- Hỗ trợ Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	20,00													20,00
	- Hỗ trợ Tòa án nhân dân tỉnh	10,00													10,00
	- Hỗ trợ Trung đoàn 925	50,00													50,00

***Ghi chú :** Kinh phí thực hiện tiết kiệm 10% để tạo nguồn cải cách tiền lương: giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện theo quy định.